

Số: 837 /QĐ-UBND

Tam Bình, ngày 02 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách 3 tháng đầu năm 2019 của huyện Tam Bình

Yêu: *HL, Hoàn dự công*
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Xét Tờ trình số: 324 /TTr-TCKH, ngày 22/4/2019 của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn huyện Tam Bình. *(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Giao Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch thường xuyên theo dõi, kiểm tra và tạo điều kiện cho đơn vị thực hiện đúng nguyên tắc tài chính theo quy định Nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Vĩnh Long
- TT .HU; TT.HUBND huyện;
- CT, PCT.UBND huyện;
- VP.HU;
- Các đơn vị trực thuộc huyện;
- Viện kiểm sát ND huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- LĐ VP – các khối nghiên cứu;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 3 THÁNG NĂM 2019
(Số liệu đến ngày 31/3/2019)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	496.586	175.691	35,38	115,75
I	Thu cân đối NSNN	77.540	19.860	25,61	118,62
1	Thu nội địa	77.540	19.860	25,61	118,62
II	Thu tài trợ tổ chức trong nước		2.802		
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		116		0,40
IV	Thu trợ cấp cân đối ngân sách	309.433	93.339	30,16	103,34
V	Thu bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp	55.813	46.122	82,64	289,62
VI	Thu bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư	53.800	13.452		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	493.186	161.453	32,74	139,72
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	493.186	132.450	26,86	131,83
1	Chi đầu tư phát triển	83.790	32.959	39,34	207,00
2	Chi thường xuyên	402.522	99.491	24,72	117,67
3	Dự phòng ngân sách	6.874	0	0,00	0,00
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh		29.003		192,33
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		26.229		0,00
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		1.000		14,53
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		1.774		21,63



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	496.586	176.311	35,50	115,95
I	Thu nội địa	77.540	20.480	26,41	122,32
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	29.500	5.336	18,09	112,48
4	Thuế thu nhập cá nhân	16.000	3.050	19,06	94,96
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	14.800	5.703	38,53	172,71
7	Thu phí, lệ phí (Phí TW 1,900 trđ)	4.200	1.634	38,90	101,62
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.640	3.402	51,23	117,07
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	270	5	1,85	12,20
-	Thu tiền sử dụng đất	6.000	2.967	49,45	114,82
-	Tiền cho thuê đất	370	430	116,22	153,02
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách (TW: 500 trđ)	5.400	980	18,15	100,93
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		200		
12	Thu phạt an toàn giao thông	1.000	175	17,50	
II	Thu tài trợ tổ chức trong nước		2.802		1.015,22
III	Thu chuyển nguồn		116		0,40
VI	Thu trợ cấp cân đối ngân sách	309.433	93.339	30,16	103,34
VII	Thu bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp	55.813	46.122	82,64	289,62
VIII	Thu bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư	53.800	13.452	25,00	
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	73.140	19.860	27,15	118,62
1	Từ các khoản thu phân chia	45.500	8.386	18,43	105,40
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	27.640	11.474	41,51	130,58

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 3 THÁNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	493.186	161.453	32,74	139,72
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	493.186	132.450	26,86	131,83
I	Chi đầu tư phát triển	83.790	32.959	39,34	207,00
1	Chi đầu tư cho các dự án	83.790	32.959	39,34	207,00
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	402.522	99.491	24,72	117,67
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	214.312	48.635	22,69	112,25
2	Chi sự nghiệp khoa học	210	0	0,00	
3	Chi sự nghiệp y tế	220	1.486	675,45	18.575,00
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	5.682	1.371	24,13	112,29
5	Chi sự nghiệp phát thanh	1.649	262	15,89	72,18
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.190	95	7,98	31,15
7	Chi sự nghiệp môi trường	9.214	28	0,30	22,58
8	Chi hoạt động kinh tế	20.116	6.675	33,18	16,24
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	91.678	25.429	27,74	119,82
10	Chi bảo đảm xã hội	39.923	10.456	26,19	107,95
III	Dự phòng ngân sách	6.874	0	0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		29.003		192,33
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		26.229		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		1.000		14,53
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		1.774		21,63